

Danh mục
CÁC PHỤ LỤC, BIỂU MẪU BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ

STT	Tên Phụ lục, Biểu mẫu	Số hiệu
01	Phụ lục I Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại <i>Bảng kê Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tri giá thấp đã được thông quan</i> Bản kê tờ khai - tiền thuế phát sinh chuyển nộp NSNN Bản tổng hợp tiền thuế trích từ tài khoản tiền gửi chuyển nộp NSNN <i>Bản lược khai hàng hóa</i> <i>Bảng kê chi tiết hàng hóa</i> <i>Bảng kê Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại xuất khẩu, nhập khẩu đã được</i>	HQ 01-TKTLCT <i>HQ 02-BKTKTGT¹</i> HQ 03- BKTK-TT HQ 04-BTH-TT <i>HQ 05-BLKHH²</i> <i>HQ 06-BKCTHH³</i> <i>HQ 07-BKTKTL⁴</i>

¹ Mẫu số này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

² Mẫu số này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

³ Mẫu số này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

	<i>Thông quan</i>	
	<i>Biên bản bất thường xác nhận hàng hóa không còn nguyên vẹn, bao bì rách vỡ</i>	<i>HQ 08-BBBT⁵</i>
02	<p><i>Phụ lục II⁶</i></p> <p><i>I. Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại</i></p> <p><i>A. Chi tiêu thông tin khai báo Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại.</i></p> <p><i>B. Các chi tiêu thông tin không được khai báo sung đối với Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại.</i></p> <p><i>II. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tri giá thấp.</i></p> <p><i>A. Chi tiêu thông tin khai báo Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tri giá thấp.</i></p> <p><i>B. Các chi tiêu thông tin không được khai báo sung đối với Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tri giá thấp.</i></p> <p><i>C. Hướng dẫn khi báo đối với Tờ khai bổ sung sau thông quan</i></p> <p><i>III. Tờ khai hai quan giầy</i></p>	

⁴ Mẫu số này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

⁵ Mẫu số này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

⁶ Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

03

Phụ lục III.⁷ Chi tiêu thông tin đối với giám sát hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

⁷ Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Mẫu số HQ 02-BKTKTG⁸

Số:/BK-CQBHV

BẢNG KÊ
Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp đã được thông quan

STT	Số Tờ khai	Số vận đơn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Số kiện	Trị giá (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ý kiến của cơ quan hải quan:

DOANH NGHIỆP LẬP BẢNG KÊ
(Ký, đóng dấu)

.....ngày...tháng... năm
CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐU ĐIỆU KIẾN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT
(Ký, đóng dấu công chức)

⁸ Mẫu số này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN**

Mẫu số HQ 03-BKTK-TT

Số:/BK-CQBHV/B

BÀN KÊ TỜ KHAI - TIỀN THUẾ PHÁT SINH CHUYÊN NỘP NSNN

ngày/...../.....

ĐVT: VNĐ/đ

STT	SỐ, NGÀY TỜ KHAI	SỐ, NGÀY BIÊN LAI	SỐ TIỀN ĐÃ NỘP						
			TỔNG SỐ (4 = 4.1-4.n)	XK (4.1)	NK (4.2)	TTDB (4.3)	GTGT (4.4)	BVMT (4.5) (4.n)
(1)	(2)	(3)							
2	Tờ khai 1								
3	Tờ khai 2								
4								
5								
.....								
.....								
	Cộng								

NGƯỜI LẬP BÀN KÊ
(Ký, xác nhận)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN**

Số:/BK-CQBHV/B

Mẫu số HQ 04-BTH-TT

BẢN TỌNG HỢP

TIỀN THUẾ TRÍCH TỪ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CHUYÊN NỘP NSNN

(Sử dụng cho các doanh nghiệp chuyển phát nhanh nộp tiền trước vào tài khoản tiền gửi của hải quan)

Ngày/...../.....

Mã số thuế:

ĐVT: VN đồng

STT	NỘI DUNG SỐ TỜ KHAI	NGÀY TỜ KHAI	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ TIỀN ĐÃ SỬ DỤNG THEO SẮC THUẾ						SỐ DƯ CUỐI KỲ	
				TỔNG SỐ	XK	NK	TTDB	GTGT	BVMT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 5.1-5.n)	(5.1)	(5.2)	(5.3)	(5.4)	(5.5)	(5.n)	(6 = 4-5)
1	SỐ DƯ ĐẦU KỲ										
2	Tờ khai 1										
3	Tờ khai 2										
4										
5										
.....										
	Cộng										

NGƯỜI LẬP BẢN KẾ
(Ký, xác nhận)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN

Mẫu số HQ 07-BKTKTL¹¹

Số:/BK-CQBHVB

BẢNG KÊ
Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan

STT	Số Tờ khai	Số vận đơn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Số kiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ý kiến của cơ quan hải quan:

DOANH NGHIỆP LẬP BẢNG KÊ
(Ký, đóng dấu)

.....ngày... tháng... năm
CCHỌ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT
(Ký, đóng dấu công chức)

¹¹ Mẫu số này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

¹² Mẫu số này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hai quan đối với thu, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ doanh nghiệp được chi định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hai quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, qua cảnh gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Y kiến bổ sung khác (nếu có):

STT	Số vận đơn	Số lượng gói, kiện hàng hóa khi vào kho	Số lượng gói, kiện hàng hóa còn nguyên vẹn	Tình trạng các gói, kiện hàng hóa còn nguyên vẹn	Lý do hàng hóa bị rách vỡ	do nguyên vẹn, bao bì rách vỡ	Vị trí lưu giữ đối chủ hàng hóa không còn nguyên vẹn, bao bì rách vỡ

III. Nội dung xác nhận về hàng hóa không còn nguyên vẹn, bao bì rách vỡ

- Chức vụ:
- Số hiệu công chức
- Ông/bà:

II. Đại diện đơn vị hai quan

1. Ông/bà chức vụ
2. Ông/bà chức vụ

I. Đại diện doanh nghiệp (ghi rõ tên doanh nghiệp)

Hôm nay, vào hồi.....giờ ngày ... tháng ... năm, tại ... (tên địa điểm lưu giữ hàng hóa không còn nguyên vẹn, bao bì rách vỡ) chúng tôi gồm:

BIÊN BẢN BẤT THƯỜNG XÁC NHẬN HÀNG HÓA KHÔNG CÒN NGUYÊN VẸN, BAO BÌ RÁCH VỠ

Số:/.....
 ngày ... tháng ... năm

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên bản đã được thông qua vào hồigiờ.....cùng ngày và được lập thành bản,
mỗi bản gồm trang; có nội dung và giá trị như nhau giao chogửibản.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN HẢI QUAN
(ký, ghi rõ họ tên)

*Phụ lục II*¹³

I. TỜ KHAI TÀI LIỆU, CHỨNG TỪ KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ THƯƠNG MẠI

STT	Chỉ tiêu thông tin	Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại nhập khẩu	Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại xuất khẩu
1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự số 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự số 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.
2	Mã tờ khai	11	21
3	Cơ quan Hải quan	(1) Nhập mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.	(1) Nhập mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.
4	Mã bộ phận xử lý tờ khai	(1) Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Đội thủ tục xử lý tờ khai dựa trên mã hồ sơ. (3) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.	(1) Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Đội thủ tục xử lý tờ khai dựa trên mã hồ sơ. (3) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.

¹³ Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

5	Mã người nhập khẩu/xuất khẩu	<p>Nhập mã số thuế của người nhập khẩu (nếu có)</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhập khẩu là tổ chức thì nhập mã số thuế của tổ chức. - Người nhập khẩu là cá nhân thì doanh nghiệp CPN nhập số chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước. Nhập số hộ chiếu trong trường hợp cá nhân là người nước ngoài 	<p>Nhập mã số thuế của người xuất khẩu (nếu có)</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhập khẩu là tổ chức thì nhập mã số thuế của tổ chức. - Người xuất khẩu là cá nhân thì doanh nghiệp CPN nhập số chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước. Nhập số hộ chiếu trong trường hợp cá nhân là người nước ngoài.
6	Tên người nhập khẩu/xuất khẩu	<p>Nhập tên của người nhập khẩu.</p> <p>(1) Nhập tên của người nhập khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị.</p> <p>(2) Trường hợp tên của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào tên chính xác.</p>	<p>Nhập tên của người xuất khẩu.</p> <p>(1) Nhập tên của người xuất khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị.</p> <p>(2) Trường hợp tên của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào tên chính xác</p>
7	Mã bưu chính	<p>Nhập mã bưu chính của người nhập khẩu (nếu có).</p>	<p>Nhập mã bưu chính của người xuất khẩu (nếu có).</p>
8	Địa chỉ người nhập khẩu/xuất khẩu	<p>(1) Nhập địa chỉ của người nhập khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị.</p> <p>(2) Trường hợp địa chỉ của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào địa chỉ chính xác.</p>	<p>(1) Nhập địa chỉ của người xuất khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị.</p> <p>(2) Trường hợp địa chỉ của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào địa chỉ chính xác.</p>
9	Số điện thoại người nhập khẩu/xuất khẩu	<p>(1) Nhập số điện thoại của người nhập khẩu nếu có (không sử dụng dấu gạch ngang).</p> <p>Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu.</p> <p>(2) Trường hợp số điện thoại của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.</p>	<p>(1) Nhập số điện thoại của người xuất khẩu nếu có (không sử dụng dấu gạch ngang).</p> <p>Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu.</p> <p>(2) Trường hợp số điện thoại của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.</p>
10	Mã người xuất khẩu /nhập khẩu	<p>Nhập mã người xuất khẩu (nếu có).</p>	<p>Nhập mã người nhập khẩu (nếu có).</p>
11	Tên người xuất khẩu /nhập khẩu	<p>Không cần nhập</p>	<p>Không cần nhập</p>
12	Mã bưu	<p>Nhập mã bưu chính của người xuất khẩu (nếu có).</p>	<p>Nhập mã bưu chính của người nhập khẩu (nếu có).</p>

	chính người xuất khẩu/nhập khẩu		
13	Địa chỉ người xuất khẩu/nhập khẩu	Không cần nhập	Không cần nhập
14	Mã nước	<p>(1) Nhập mã nước người xuất khẩu gồm 02 kí tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng “Mã nước” tại website Hảiquan: www.customs.gov.vn)</p> <p>(2) Nhập mã nước chính xác nếu hệ thống hiển thị không đúng.</p> <p>(3) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.</p>	<p>(1) Nhập mã nước người nhập khẩu gồm 02 kí tự theo bảng mã UN LOCODE (tham khảo bảng “Mã nước” tại website Hảiquan: www.customs.gov.vn)</p> <p>(2) Nhập mã nước chính xác nếu hệ thống hiển thị không đúng.</p> <p>(3) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.</p>
15	Số House AWB	<p>(1) Nhập số vận đơn bao gồm cả phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt (nếu có) (số B/L, AWB, vận đơn đường sắt, vận đơn đường bộ). Định kèm file trên hệ thống.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhập khẩu đứng tên trên ô người nhận hàng ở vận đơn nào thì nhập số của vận đơn đó. Khai vận đơn thể hiện người nhận hàng là người nhập khẩu. - Đối với B/L, AWB, vận đơn đường sắt, vận đơn đường bộ có thể nhập đến 05 số vận đơn nhưng hàng hóa thuộc các số vận đơn này phải của cùng một người gửi hàng, cùng một người nhận hàng, cùng tên phương tiện vận tải, vận chuyển trên cùng một chuyến và có cùng ngày hàng đến. - Số AWB, B/L, vận đơn đường sắt, vận đơn đường bộ không được vượt quá 25 ký tự. (2) Trường hợp một vận đơn khai báo cho nhiều tờ khai hải quan, người khai hải quan thông báo tách vận đơn với cơ quan hải quan trước khi đăng ký tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu 	<p>(1) Trước khi đăng ký tờ khai xuất khẩu, người khai hải quan phải thông báo thông tin về hàng hóa dự kiến xuất khẩu sẽ đưa vào khu vực giám sát hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Hệ thống tự động cấp số quản lý hàng hóa cho lô hàng xuất khẩu và người khai hải quan sử dụng số đó để khai tại ô này.</p> <p>(2) Một lô hàng được khai báo tới đa 5 số quản lý hàng hóa, nhưng hàng hóa thuộc các số quản lý hàng hóa này phải của cùng một người gửi hàng, cùng một người nhận hàng, cùng tên phương tiện vận tải, vận chuyển trên cùng một chuyến và có cùng ngày xuất khẩu.</p>

	<p>thông tin quy định tại mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Hệ thống tự động tiếp nhận, kiểm tra, phân hỏi việc tách vận đơn cho người khai hải quan ngay sau khi nhận được thông báo tách vận đơn. Người khai hải quan sử dụng số vận đơn nhánh đã được phân hỏi để thực hiện khai tại ô này.</p> <p>(3) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn, người khai hải quan phải thông báo thông tin về hàng hóa theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Hệ thống tự động cấp số quản lý hàng hóa cho lô hàng nhập khẩu để khai tại ô này.</p>	
16	Số Master A WB	Nhập số master A WB (nếu có)
17	Số lượng	<p>Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...)</p> <p>- Không nhập phần thập phân</p> <p>- Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...)</p> <p>Ô 2: Nhập mã đơn vị tính</p> <p>Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp,....</p> <p>Trường hợp hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau thì nhập 01 mã đơn vị tính đại diện.</p> <p>(Sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p>
18	Tổng trọng lượng hàng (Gross)	<p>Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển)</p> <p>Lưu ý:</p> <p>- Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin "Mã phương thức vận chuyển" người khai chọn mã "1": có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01</p>

		<p>Ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Phần ghi chú".</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE <p>Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound</p> <p>(Sử dụng bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM. 	<p>01 Ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô "Phần ghi chú".</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là "LBR" (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE <p>Ví dụ: KGM: kilogram TNE: tấn LBR: pound</p> <p>(Sử dụng bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là "LBR" (pound), xuất ra KGM.
19	<p>Mã địa điểm kho chờ quan kiểm</p> <p>địa lưu hàng thông dự</p>	<p>Nhập mã địa điểm nơi lưu giữ/tập kết hàng hóa khi khai báo nhập khẩu, cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa nhập khẩu đã được Tổng cục Hải quan mã hóa, sử dụng bảng mã "Địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo. 2. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa nhập khẩu chưa được Tổng cục Hải quan mã hóa, sử dụng mã của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để khai báo, đồng thời phải ghi cụ thể địa điểm tập kết hàng, thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải tại ô "Phần ghi chú". Sử dụng bảng "Mã Chi cục Hải quan - Đối thủ tục" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn 	<p>Nhập mã địa điểm nơi lưu giữ/tập kết hàng hóa khi khai báo xuất khẩu, cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu đã được Tổng cục Hải quan mã hóa, sử dụng bảng mã "Địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo. 2. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu chưa được Tổng cục Hải quan mã hóa: sử dụng mã tạm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để khai báo, đồng thời phải ghi cụ thể địa điểm tập kết hàng, thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải tại ô "Phần ghi chú". Sử dụng bảng "Mã Chi cục Hải quan - Đối thủ tục" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn
20	Mã phương	<p>Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã</p>	

	<p>thức vận chuyển</p> <p>sau:</p> <p>“1”: Đường không</p> <p>“2”: Đường biển (container)</p> <p>“3”: Đường biển (hàng rời, lỏng...)</p> <p>“4”: Đường bộ (xe tải)</p> <p>“5”: Đường sắt</p> <p>“6”: Đường sông</p> <p>“9”: Khác</p>	<p>mã sau:</p> <p>“1”: Đường không</p> <p>“2”: Đường biển (container)</p> <p>“3”: Đường biển (hàng rời, lỏng...)</p> <p>“4”: Đường bộ (xe tải)</p> <p>“5”: Đường sắt</p> <p>“6”: Đường sông</p> <p>“9”: Khác</p>
<p>21</p> <p>Tên phương tiện vận tải</p>	<p>Ô 1: Nhập hồ hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập “9999”.</p> <p>Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...)</p> <p>(1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông.</p> <p>(2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hồ hiệu đã nhập ở ô 1.</p> <p>(3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), gách chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh).</p> <p>Ví dụ: AB0001/01JAN</p> <p>(4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.</p> <p>(5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu.</p> <p>(6) Không phải nhập trong trường hợp tại chỉ tiêu “Mã hiệu phương thức vận chuyển”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.</p>	<p>Ô 1: Nhập hồ hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập “9999” (nếu có)</p> <p>Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...) (nếu có)</p> <p>(1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông.</p> <p>(2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hồ hiệu đã nhập ở ô 1.</p> <p>(3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), gách chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh).</p> <p>Ví dụ: AB0001/01JAN</p> <p>Trường hợp chưa có thông tin về chuyến bay thì nhập như sau: 000000/ngày IDC theo nguyên tắc trên.</p> <p>(4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.</p> <p>(5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu.</p> <p>(6) Không phải nhập trong trường hợp tại chỉ tiêu “Mã hiệu phương thức vận chuyển”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.</p>

22	Ngày hàng đến/ Ngày hàng đi dự kiến	Ngày hàng hóa đến cửa khẩu theo chứng từ vận tải hoặc Thông báo hàng đến (Arrival notice) của người vận chuyển gửi cho người nhận hàng.	Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm)
23	Mã địa điểm hàng	Nhập mã địa điểm dỡ hàng (sử dụng bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn) Ví dụ: sân bay Nội Bài mã HAN thì nhập HAN	Không cần nhập
24	Mã địa điểm xếp hàng	- Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE (sử dụng bảng mã “Cảng nước ngoài” hoặc “Sân bay nước ngoài” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn) - Trường hợp mã địa điểm nhận hàng cuối cùng không có trong bảng mã UN LOCODE thì nhập “ZZZZZ”	- Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (sử dụng các bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)
25	Trị giá hóa đơn	Không cần nhập	Không cần nhập
26	Phí vận tải	Không cần nhập	Không cần nhập
27	Phí bảo hiểm	Không cần nhập	Không cần nhập
	Thông tin chi tiết về hàng hóa: Mỗi một loại hàng hóa được khai báo 1 lần. Tối đa 01 tờ khai được khai báo 100 dòng hàng khác nhau		
28	Mã số hàng hóa	Không cần nhập	Không cần nhập
29	Thuế suất	Không cần nhập	Không cần nhập
30	Số lượng	Ghi chi tiết số lượng Ô 1: Nhập tổng số lượng - Không nhập phần thập phân - Nhập là “1” đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị Ô 2: Nhập mã đơn vị tính: cái, chiếc, Trường hợp hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau thì nhập	Ghi chi tiết số lượng Ô 1: Nhập tổng số lượng - Không nhập phần thập phân - Nhập là “1” đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính Ô 2: Nhập mã đơn vị tính: cái, chiếc,

		01 mã đơn vị tính đại diện. (Sử dụng bảng “Mã loại kiện” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)	Trường hợp hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau thì nhập 01 mã đơn vị tính đại diện. (Sử dụng bảng “Mã loại kiện” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)
31	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết tên hàng hóa, công dụng Lưu ý: Tên hàng hóa được khai bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh	Mô tả chi tiết tên hàng hóa, công dụng Lưu ý: Tên hàng hóa được khai bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh
32	Mã xuất xứ	Không cần nhập	Không cần nhập
33	Trị giá hải quan (trị giá tính thuế)	Không cần nhập	Không cần nhập
34	Số quản lý nội bộ	Nhập số quản lý nội bộ (nếu có)	Nhập số quản lý nội bộ (nếu có)
35	Phần ghi chú		

Phần B. Các chi tiêu thông tin không được khai bổ sung đối với Tờ khai tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại

Loại hình tờ khai STT	Tờ khai tài liệu chứng từ không có giá trị thương mại nhập khẩu	Tờ khai tài liệu chứng từ không có giá trị thương mại xuất khẩu
01	Mã tờ khai	Mã tờ khai
02	Cơ quan Hải quan	Cơ quan Hải quan
03	Mã người nhập khẩu	Mã người xuất khẩu
04	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến

II. TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU TRỊ GIÁ THẤP

Phần A. Chi tiêu thông tin khai báo đối với tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp

STT	Chi tiêu	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp	Tờ khai hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp
-----	----------	---	---

	thông tin	
1	Số tờ khai Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 Ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự số 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai. Lưu ý: cơ quan hải quan và các cơ quan khác có liên quan sử dụng 11 Ký tự đầu của số tờ khai. Ký tự số 12 chỉ thể hiện số lần khai bổ sung.
2	Mã tờ khai 13 (Mã để phân biệt tờ khai tài liệu chứng từ và tờ khai trị giá thấp)	23 (Mã để phân biệt tờ khai tài liệu chứng từ và tờ khai trị giá thấp)
3	Cơ quan Hải quan (1) Nhập mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.	(1) Nhập mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai dựa trên địa điểm lưu giữ hàng chờ thông quan. (2) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.
4	Mã bộ phận xử lý tờ khai (1) Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Đội thủ tục xử lý tờ khai dựa trên mã hồ sơ. (3) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.	(1) Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai. (2) Trường hợp không nhập, Hệ thống sẽ tự động xác định mã Đội thủ tục xử lý tờ khai dựa trên mã hồ sơ. (3) Sử dụng bảng “Mã Chi cục Hải quan-Đội thủ tục” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.
5	Mã người nhập/khẩu/xuất khẩu Nhập mã số thuế của người nhập khẩu (nếu có) Lưu ý: - Người nhập khẩu là tổ chức thì nhập mã số thuế của tổ chức. - Người nhập khẩu là cá nhân thì doanh nghiệp CPN nhập số chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước. Nhập số hộ chiếu trong trường hợp cá nhân là người nước ngoài	Nhập mã số thuế của người xuất khẩu (nếu có) Lưu ý: - Người nhập khẩu là tổ chức thì nhập mã số thuế của tổ chức. - Người xuất khẩu là cá nhân thì doanh nghiệp CPN nhập số chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước. Nhập số hộ chiếu trong trường hợp cá nhân là người nước ngoài
6	Tên người nhập khẩu/xuất khẩu Nhập tên của người nhập khẩu. (1) Nhập tên của người nhập khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị. (2) Trường hợp tên của người nhập khẩu mà hệ thống hiển	Nhập tên của người xuất khẩu. (1) Nhập tên của người xuất khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị. (2) Trường hợp tên của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị

		thị không đúng, thì nhập vào tên chính xác.	Không đúng, thì nhập vào tên chính xác.
7	Mã bưu chính	Nhập mã bưu chính của người nhập khẩu (nếu có).	Nhập mã bưu chính của người xuất khẩu (nếu có).
8	Địa chỉ người nhập khẩu/ xuất khẩu	(1) Nhập địa chỉ của người nhập khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị. (2) Trường hợp địa chỉ của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào địa chỉ chính xác.	(1) Nhập địa chỉ của người xuất khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị. (2) Trường hợp địa chỉ của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào địa chỉ chính xác.
9	Số điện thoại người nhập khẩu/ xuất khẩu	(1) Nhập số điện thoại của người nhập khẩu nếu có (không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.	(1) Nhập số điện thoại của người xuất khẩu nếu có (không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.
10	Mã người xuất khẩu /nhập khẩu	Nhập mã người xuất khẩu (nếu có).	Nhập mã người nhập khẩu (nếu có).
11	Tên người xuất khẩu /nhập khẩu	(1) Nhập tên người xuất khẩu (nếu chưa đăng ký vào hệ thống). (2) Trường hợp đã đăng ký, hệ thống sẽ tự động xuất ra. Lưu ý: Nhập tên người xuất khẩu (người bán) theo hợp đồng mua bán hàng hóa nhập khẩu (Trường hợp mua bán không có hợp đồng thì nhập tên người xuất khẩu trên chứng từ vận tải); - Chấp nhận tên viết tắt hoặc rút gọn của người xuất khẩu (không áp dụng đối với cá nhân)	(1) Nhập tên người nhập khẩu (nếu chưa đăng ký vào hệ thống). (2) Trường hợp đã đăng ký, hệ thống sẽ tự động xuất ra. Lưu ý: Nhập tên người nhập khẩu (người mua) theo hợp đồng mua bán hàng hóa xuất khẩu (Trường hợp mua bán không có hợp đồng thì nhập tên người nhập khẩu trên chứng từ vận tải); - Chấp nhận tên viết tắt hoặc rút gọn của người nhập khẩu (không áp dụng đối với cá nhân)
12	Mã bưu chính người xuất khẩu/ nhập khẩu	Nhập mã bưu chính của người xuất khẩu (nếu có).	Nhập mã bưu chính của người nhập khẩu (nếu có).
13	Địa chỉ người xuất khẩu /nhập khẩu	Ô 1: nhập tên đường và số nhà/số hòm thư bưu điện (P.O.BOX). Người khai chỉ phải nhập liệu nếu hệ thống không tự động hỗ trợ. Nhập vào tên đường và số nhà/số hòm thư bưu điện chính	Ô 1: nhập tên đường và số nhà/số hòm thư bưu điện (P.O.BOX). Người khai chỉ phải nhập liệu nếu hệ thống không tự động hỗ trợ. Nhập vào tên đường và số nhà/số hòm thư bưu điện chính xác

	<p>xác nếu thông tin do hệ thống hiển thị không chính xác.</p> <p>Ô 2: nhập tiếp tên đường và số nhà/số hòm thư bưu điện (P.O.BOX).</p> <p>Ô 3: nhập tên thành phố. Người khai chỉ phải nhập liệu nếu hệ thống không tự động hỗ trợ.</p> <p>Nhập vào tên thành phố chính xác nếu thông tin do hệ thống hiển thị không đúng.</p> <p>Ô 4: nhập tên nước. Người khai chỉ phải nhập liệu nếu hệ thống không tự động hỗ trợ.</p> <p>Nhập vào tên nước chính xác nếu thông tin do hệ thống hiển thị không đúng.</p>	<p>nêu thông tin do hệ thống hiển thị không chính xác.</p> <p>Ô 2: nhập tiếp tên đường và số nhà/số hòm thư bưu điện(P.O.BOX).</p> <p>Ô 3: nhập tên thành phố. Người khai chỉ phải nhập liệu nếu hệ thống không tự động hỗ trợ.</p> <p>Nhập vào tên thành phố chính xác nếu thông tin do hệ thống hiển thị không đúng.</p> <p>Ô 4: nhập tên nước. Người khai chỉ phải nhập liệu nếu hệ thống không tự động hỗ trợ.</p> <p>Nhập vào tên nước chính xác nếu thông tin do hệ thống hiển thị không đúng.</p>
14	<p>Mã nước</p> <p>(1) Nhập mã nước người xuất khẩu gồm 02 kí tự theo bảng mã UN LOCODE (sử dụng bảng “Mã nước” tại website Hảiquan: www.customs.gov.vn)</p> <p>(2) Nhập mã nước chính xác nếu hệ thống hiển thị không đúng.</p> <p>(3) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.</p>	<p>(1) Nhập mã nước người nhập khẩu gồm 02 kí tự theo bảng mã UN LOCODE (sử dụng bảng “Mã nước” tại website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p> <p>(2) Nhập mã nước chính xác nếu hệ thống hiển thị không đúng.</p> <p>(3) Không phải nhập liệu trong trường hợp không xác định được nước xuất khẩu hoặc không có trong bảng mã UN LOCODE.</p>
15	<p>Số AWB House</p> <p>(1) Nhập số vận đơn bao gồm cả phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt (nếu có) (số B/L, AWB, vận đơn đường sắt, vận đơn đường bộ). Đính kèm file trên hệ thống.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhập khẩu đứng tên trên ô người nhận hàng ở vận đơn thì nhập số của vận đơn đó. Khai vận đơn thể hiện người nhận hàng là người nhập khẩu. - Đối với B/L, AWB, vận đơn đường sắt, vận đơn đường bộ có thể nhập đến 05 số vận đơn nhưng hàng hóa thuộc các số vận đơn này phải của cùng một người gửi hàng, cùng một người nhận hàng, cùng tên phương tiện vận tải, vận chuyển trên cùng một chuyến và có cùng ngày hàng đến. - Số AWB, vận đơn đường sắt, vận đơn đường bộ, B/L không được vượt quá 25 ký tự. 	<p>(1) Trước khi đăng ký tờ khai xuất khẩu, người khai hải quan phải thông báo thông tin về hàng hóa dự kiến xuất khẩu sẽ đưa vào khu vực giám sát hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Hệ thống tự động cấp số quản lý hàng hóa cho lô hàng xuất khẩu và người khai hải quan sử dụng số đó để khai tại ô này.</p> <p>(2) Một lô hàng được khai báo tới đa 5 số quản lý hàng hóa, nhưng hàng hóa thuộc các số quản lý hàng hóa này phải của cùng một người gửi hàng, cùng một người nhận hàng, cùng tên phương tiện vận tải, vận chuyển trên cùng một chuyến và có cùng ngày xuất khẩu.</p>

		<p>(2) Trường hợp một vận đơn khai báo cho nhiều tờ khai hải quan, người khai hải quan thông báo tách vận đơn với cơ quan hải quan trước khi đăng ký tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Hệ thống tự động tiếp nhận, kiểm tra, phân hồi việc tách vận đơn cho người khai hải quan ngay sau khi nhận được thông báo tách vận đơn. Người khai hải quan sử dụng số vận đơn nhánh đã được phân hồi để thực hiện khai tại ô này.</p> <p>(3) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn, người khai hải quan phải thông báo thông tin về hàng hóa theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Hệ thống tự động cấp số quản lý hàng hóa cho lô hàng nhập khẩu để khai tại ô này.</p>	
16	Số Master A/WB	Nhập số master A/WB (nếu có)	Nhập số master A/WB (nếu có)
17	Số lượng	<p>Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...)</p> <p>- Không nhập phần thập phân</p> <p>- Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...)</p> <p>Ô 2: Nhập mã đơn vị tính</p> <p>Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp,....</p> <p>Trường hợp hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau thì nhập 01 mã đơn vị tính đại diện.</p> <p>(Sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p>	<p>Ô 1: Nhập tổng số lượng kiện hàng hóa (căn cứ vào hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn,...)</p> <p>- Không nhập phần thập phân</p> <p>- Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính (kiện, thùng,...)</p> <p>Ô 2: Nhập mã đơn vị tính</p> <p>Ví dụ: CS: thùng, BX: hộp,....</p> <p>Trường hợp hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau thì nhập 01 mã đơn vị tính đại diện.</p> <p>(Sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p>
18	Tổng trọng lượng hàng	<p>Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển)</p>	<p>Ô 1: Nhập tổng trọng lượng hàng (căn cứ vào phiếu đóng gói, hóa đơn thương mại hoặc chứng từ vận chuyển)</p>

	<p>(Gross)</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin “Mã phương thức vận chuyển” người khai chọn mã “1”: có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô “Phần ghi chú”. - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là “LBR” (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). <p>Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE</p> <p>Ví dụ:</p> <p>KGM: kilogram</p> <p>TNE: tấn</p> <p>LBR: pound</p> <p>(Sử dụng bảng “Mã đơn vị tính” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là “LBR” (pound), xuất ra KGM. 	<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tại chỉ tiêu thông tin “Mã phương thức vận chuyển” người khai chọn mã “1”: có thể nhập 08 ký tự cho phần nguyên và 01 ký tự cho phần thập phân. Nếu vượt quá 01 ký tự phần thập phân thì nhập tổng trọng lượng chính xác vào ô “Phần ghi chú”. - Đối với các phương thức vận chuyển khác: có thể nhập 06 ký tự cho phần nguyên và 03 ký tự cho phần thập phân. - Trường hợp mã của tổng trọng lượng hàng là “LBR” (pound), hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang KGM (kilogram). <p>Ô 2: Nhập mã đơn vị tính của tổng trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE</p> <p>Ví dụ:</p> <p>KGM: kilogram</p> <p>TNE: tấn</p> <p>LBR: pound</p> <p>(Sử dụng bảng “Mã đơn vị tính” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhập mã đơn vị tính khác LBR, xuất ra mã trọng lượng đơn vị tính. - Trường hợp nhập là “LBR” (pound), xuất ra KGM.
<p>19</p> <p>Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến</p>	<p>Nhập mã địa điểm nơi lưu giữ/tập kết hàng hóa khi khai báo nhập khẩu, cụ thể như sau:</p> <p>1. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa nhập khẩu đã được Tổng cục Hải quan mã hóa, sử dụng mã “Địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.</p> <p>2. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa nhập khẩu chưa được Tổng cục Hải quan mã hóa, sử dụng mã của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để khai báo, đồng thời phải ghi</p>	<p>Nhập mã địa điểm nơi lưu giữ/tập kết hàng hóa khi khai báo xuất khẩu, cụ thể như sau:</p> <p>1. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu đã được Tổng cục Hải quan mã hóa, sử dụng mã “Địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.</p> <p>2. Trường hợp địa điểm tập kết hàng hóa xuất khẩu chưa được Tổng cục Hải quan mã hóa, sử dụng mã của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để khai báo, đồng thời phải ghi cụ</p>

	<p>cụ thể địa điểm tập kết hàng, thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải tại ô "Phần ghi chú". Sử dụng bảng "Mã Chi cục Hải quan - Đội thủ tục" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn</p>	<p>thể địa điểm tập kết hàng, thời gian dự kiến đóng container, xếp hàng lên phương tiện vận tải tại ô "Phần ghi chú". Sử dụng bảng "Mã Chi cục Hải quan - Đội thủ tục" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn</p>
<p>20</p> <p>Mã phương thức vận chuyển</p>	<p>Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau:</p> <p>"1": Đường không</p> <p>"2": Đường biển (container)</p> <p>"3": Đường biển (hàng rời, lỏng...)</p> <p>"4": Đường bộ (xe tải)</p> <p>"5": Đường sắt</p> <p>"6": Đường sông</p> <p>"9": Khác</p>	<p>Căn cứ phương thức vận chuyển để lựa chọn một trong các mã sau:</p> <p>"1": Đường không</p> <p>"2": Đường biển (container)</p> <p>"3": Đường biển (hàng rời, lỏng...)</p> <p>"4": Đường bộ (xe tải)</p> <p>"5": Đường sắt</p> <p>"6": Đường sông</p> <p>"9": Khác</p>
<p>21</p> <p>Tên phương tiện vận tải</p>	<p>Ô 1: Nhập hồ hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập "9999".</p> <p>Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...)</p> <p>(1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông.</p> <p>(2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hồ hiệu đã nhập ở ô 1.</p> <p>(3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), gach chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh).</p> <p>Ví dụ: AB0001/01JAN</p> <p>(4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.</p> <p>(5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu.</p> <p>(6) Không phải nhập trong trường hợp tại chi tiêu "Mã hiệu</p>	<p>Ô 1: Nhập hồ hiệu (call sign) trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông. Nếu thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng ký vào hệ thống thì nhập "9999" (nếu có)</p> <p>Ô 2: Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...) (nếu có)</p> <p>(1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông.</p> <p>(2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng ký trên hệ thống dựa trên hồ hiệu đã nhập ở ô 1.</p> <p>(3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), gach chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh).</p> <p>Ví dụ: AB0001/01JAN</p> <p>Trường hợp chưa có thông tin về chuyến bay thì nhập như sau: 000000/ngày IDC theo nguyên tắc trên.</p> <p>(4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.</p>

		phương thức vận chuyển”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyên.	(5) Trường hợp vận chuyên đường sắt: nhập số tàu. (6) Không phải nhập trong trường hợp tại chi tiêu “Mã hiệu phương thức vận chuyên”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyên.
22	Ngày hàng đến/ Ngày hàng đi dự kiến	Nhập ngày dự kiến hàng hóa đến cửa khẩu theo chứng từ vận tải hoặc Thông báo hàng đến (Arrival notice) của người vận chuyên gửi cho người nhận hàng.	Nhập ngày hàng đi dự kiến (ngày/tháng/năm)
23	Mã địa điểm dỡ hàng	Nhập mã địa điểm dỡ hàng (sử dụng bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn) Ví dụ: sân bay Nội Bài mã HAN thì nhập HAN	Không cần nhập
24	Mã địa điểm xếp hàng	- Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE (Sử dụng các bảng mã “Cảng nước ngoài” hoặc “Sân bay nước ngoài” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn) - Trường hợp mã địa điểm nhận hàng cuối cùng không có trong bảng mã UN LOCODE thì nhập “ZZZZZ”	- Nhập mã địa điểm xếp hàng theo UN LOCODE. (Sử dụng các bảng mã “Cảng-ICD trong nước”, “Cửa khẩu đường bộ - Ga đường sắt” và “Sân bay trong nước” trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)
25	Trị giá hóa đơn	Ô 01: Nhập điều kiện giá hóa đơn theo một trong các trường hợp sau: “A”: Trị giá hóa đơn không bao gồm phí vận chuyên; “B”: Trị giá hóa đơn bao gồm phí vận chuyên; “C”: Trị giá hóa đơn hỗn hợp (một phần có phí vận chuyên và một phần không có phí vận chuyên); “D”: Loại khác. “E”: Không có hóa đơn thương mại Ô 02: Nhập một trong các điều kiện giao hàng theo Incoterms: (1) CIF (10) DDP	Ô số 01: Mã phân loại tiền tệ hóa đơn. Tham khảo trên website Hải quan: www.customs.gov.vn Ô số 02: Nhập trị giá hóa đơn. Nếu trị giá hóa đơn không phải là VND có thể điền vào 4 chữ số sau dấu thập phân. Nếu trị giá hóa đơn là VND thì không điền số sau dấu thập phân. Trường hợp không phải giá FOB thì người khai tự tính và điền vào bằng tay.

	<p>(2) CIP (11) DAP (3) FOB (12) DAT (4) FCA (13) C&I (5) FAS (14) DAF (6) EXW (15) DDU (7) C&F (CNF) (16) DES (8) CFR (17) DEQ (9) CPT (18) Khác</p> <p>Trường hợp điều kiện giao hàng là FAS, EXW, DDU và DDP thì tính nhập trị giá khai báo hải quan vào chỉ tiêu trị giá tính thuế.</p> <p>Ô 3: Nhập mã đơn vị tiền tệ của hóa đơn theo chuẩn UN/LOCODE (tham khảo bảng mã đơn vị tiền tệ trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)</p> <p>Ô 4: Tổng trị giá hóa đơn:</p> <p>(1) Nhập tổng trị giá trên hóa đơn. (2) Trường hợp tổng trị giá hóa đơn không phải là VND thì có thể nhập 4 số sau dấu thập phân. (3) Trường hợp tổng trị giá hóa đơn là VND thì không nhập được phần thập phân.</p>	
26	<p>Phí vận tải</p> <p>Ô 01: Nhập một trong các mã phân loại phí vận tải sau: “À”: Khai trong trường hợp chứng từ vận tải ghi Tổng số tiền cước phí chung cho tất cả hàng hóa trên chứng từ. “E”: Khai trong trường hợp trị giá hóa đơn của hàng hóa đã có phí vận tải (ví dụ: CIF, C&F, CDP) nhưng cước phí thực tế vượt quá cước phí trên hóa đơn (phát sinh thêm phí vận tải khi hàng về cảng nhập khẩu: tăng cước phí do giá nhiên liệu tăng, do biến động tiền tệ, do tắc tàu tại cảng ...). “G”: Không có chứng từ phí vận tải</p> <p>Ô 02: Nhập mã đơn vị tiền tệ của phí vận tải.</p>	<p>Không cần nhập</p>

		<p>Ô 03: Cước phí:</p> <p>(1) Nhập cước phí.</p> <p>(2) Trường hợp cước phí không phải là VND thì có thể nhập 4 số sau dấu thập phân.</p> <p>(3) Trường hợp cước phí là VND thì không nhập được phần thập phân.</p>	
27	Phí bảo hiểm	<p>Ô 1: Nhập một trong các mã phân loại bảo hiểm sau:</p> <p>Nhập một trong các mã phân loại bảo hiểm sau:</p> <p>“A”: Bảo hiểm riêng</p> <p>“D”: Không bảo hiểm</p> <p>“E”: Không có chứng từ phí bảo hiểm</p> <p>Nếu trong mục điều kiện giá Invoice đã được nhập là giá CIF, CIP hay C&I thì không thể nhập được.</p> <p>Ô 2: Nhập mã đơn vị tiền tệ phí bảo hiểm trong trường hợp phân loại bảo hiểm được nhập là Bảo hiểm riêng (mã “A”).</p> <p>Ô 3: Nhập số tiền phí bảo hiểm trong trường hợp phân loại bảo hiểm được nhập là “A”:</p> <p>(1) Trường hợp mã đồng tiền khác “VND”, có thể nhập đến 4 chữ số sau dấu thập phân.</p> <p>(2) Trường hợp mã đồng tiền là “VND”, không thể nhập số có dấu phẩy thập phân.</p>	<p>Không cần nhập</p>
	Thông tin chi tiết về hàng hóa: Mỗi một loại hàng hóa được khai báo 1 lần. Tối đa 01 tờ khai được khai báo 100 dòng hàng khác nhau		
28	Mã số hàng hóa	<p>Doanh nghiệp thực hiện nhập khi có thông tin:</p> <p>1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu/xuất khẩu ưu đãi; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi/ưu đãi đặc biệt.</p> <p>(2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương 98 vào ô “Mô tả hàng hóa”.</p>	<p>Doanh nghiệp thực hiện nhập khi có thông tin:</p> <p>1) Nhập đầy đủ mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu/xuất khẩu ưu đãi; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi/ưu đãi đặc biệt.</p> <p>(2) Trường hợp hàng hóa thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thì nhập mã số hàng hóa của 97 Chương tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và ghi mã số Chương 98 vào ô “Mô tả hàng hóa”.</p>

29	Thuế suất	Không cần nhập	Không cần nhập
30	Số lượng	Ghi chi tiết số lượng Ô 1: Nhập tổng số lượng - Không nhập phần thập phân - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính Ô 2: Nhập mã đơn vị tính: cái, chiếc, Trường hợp hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau thì nhập 01 mã đơn vị tính đại diện. (Sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.)	Ghi chi tiết số lượng Ô 1: Nhập tổng số lượng - Không nhập phần thập phân - Nhập là "1" đối với hàng hóa không thể hiện bằng đơn vị tính Ô 2: Nhập mã đơn vị tính: cái, chiếc, Trường hợp hàng hóa có nhiều đơn vị tính khác nhau thì nhập 01 mã đơn vị tính đại diện. (Sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn để khai báo.)
31	Mô tả hàng hóa	Mô tả chi tiết tên hàng hóa, công dụng Lưu ý: Tên hàng hóa được khai bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh	Mô tả chi tiết tên hàng hóa, công dụng Lưu ý: Tên hàng hóa được khai bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh
32	Mã xuất xứ	Nhập mã nước xuất xứ của hàng hóa	Nhập mã nước xuất xứ của hàng hóa
33	Trị giá hải quan (trị giá tính thuế)	Trị giá hải quan là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên.	Trị giá hải quan là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí vận tải quốc tế, bảo hiểm quốc tế
34	Số quản lý nội bộ	Nhập số quản lý nội bộ (nếu có)	Nhập số quản lý nội bộ (nếu có)
35	Phần ghi chú		

Phần B. Các chỉ tiêu thông tin không được khai bổ sung đối với Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp

Loại hình tờ khai STT	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp	Tờ khai hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp
01	Mã tờ khai	Mã tờ khai
02	Cơ quan Hải quan	Cơ quan Hải quan
03	Mã người nhập khẩu	Mã người xuất khẩu

04	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến	Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến
----	---	---

Phần C. Hướng dẫn khi báo đối với Tờ khai bổ sung sau thông quan

STT	Chi tiêu thông tin	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp	Tờ khai hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp
	<i>Thông tin chung</i>		
1	Số tờ khai bổ sung	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai.	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai.
2	Cơ quan Hải quan	Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai ban đầu	Nhập mã cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai ban đầu
3	Mã bộ phận xử lý tờ khai	Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai.	Nhập mã Đội thủ tục xử lý tờ khai.
4	Số tờ khai	Nhập số tờ khai nhập khẩu ban đầu	Nhập số tờ khai xuất khẩu ban đầu
5	Mã loại hình	Nhập mã loại hình của Tờ khai nhập khẩu ban đầu	Nhập mã loại hình của Tờ khai xuất khẩu ban đầu
6	Ngày khai báo xuất nhập khẩu	Nhập ngày khai báo nhập khẩu của tờ khai ban đầu	Nhập ngày khai báo xuất khẩu của tờ khai ban đầu
7	Ngày cấp phép xuất nhập khẩu	Nhập ngày thông quan của tờ khai nhập khẩu ban đầu	Nhập ngày thông quan của tờ khai xuất khẩu ban đầu
8	Mã người nhập khẩu, xuất khẩu	Nhập mã số thuế của người nhập khẩu	Nhập mã số thuế của người xuất khẩu
9	Tên người nhập khẩu, xuất khẩu	Nhập tên của người nhập khẩu	Nhập tên của người xuất khẩu
10	Mã bưu chính	Nhập mã bưu chính của người nhập khẩu	Nhập mã bưu chính của người xuất khẩu
11	Địa chỉ người nhập khẩu, xuất khẩu	(1) Nhập địa chỉ của người nhập khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị. (2) Trường hợp địa chỉ của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào địa chỉ chính xác.	(1) Nhập địa chỉ của người xuất khẩu, không cần nhập trong trường hợp hệ thống tự động hiển thị. (2) Trường hợp địa chỉ của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, thì nhập vào địa chỉ chính xác.
12	Số điện thoại người nhập	(1) Nhập số điện thoại của người nhập khẩu nếu có	(1) Nhập số điện thoại của người xuất khẩu nếu có

	khẩu, xuất khẩu	(không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người nhập khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.	(không sử dụng dấu gạch ngang). Nếu hệ thống tự động hiển thị, không cần nhập liệu. (2) Trường hợp số điện thoại của người xuất khẩu mà hệ thống hiển thị không đúng, nhập vào số điện thoại chính xác.
13	Các chỉ tiêu thông tin từ STT 15 đến STT 27 tại Phần A Hướng dẫn khai báo đối với tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Nhập chỉ tiêu thông tin theo tờ khai ban đầu và thông tin sửa đổi, bổ sung	Nhập chỉ tiêu thông tin theo tờ khai ban đầu và thông tin sửa đổi, bổ sung
Thông tin khai báo chi tiết khai bổ sung			
14	Thứ tự dòng hàng trên tờ khai gốc	Nhập số thứ tự dòng hàng trên tờ khai gốc	Nhập số thứ tự dòng hàng trên tờ khai gốc
15	Các chỉ tiêu thông tin từ STT 28 đến STT 35 tại Phần A Hướng dẫn khai báo đối với tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Nhập chỉ tiêu thông tin theo tờ khai ban đầu và thông tin sửa đổi, bổ sung	Nhập chỉ tiêu thông tin theo tờ khai ban đầu và thông tin sửa đổi, bổ sung

III. HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI HẢI QUAN GIẤY

I. Nguyên tắc chung

a) Khai báo trên tờ khai hải quan theo mẫu HQ/2015/NK, HQ/2015/XK, HQ/2015/NK ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. Cách ghi các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan theo mẫu HQ/2015/XK, HQ/2015/NK được thực hiện theo mục 2 Phụ lục này. Bảng kê chi tiết hàng hóa được khai theo Mẫu số HQ06-BKCTHH ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thực hiện khai 01 tờ khai hải quan giấy cho nhiều lô hàng hóa khác nhau của nhiều người nhập hàng khác nhau trong trường hợp:

Đôi với hàng hóa nhập khẩu: hàng hóa khai trên một tờ khai giấy là hàng hóa được vận chuyển trên cùng phương tiện vận tải, cùng ngày đến Việt Nam, cùng Cảng dỡ hàng.

Đôi với hàng hóa xuất khẩu: Hàng hóa khai trên cùng một tờ khai là hàng hóa có cùng cửa khẩu xuất khẩu.

2. Hướng dẫn khai chi tiết

a) Hướng dẫn cách ghi các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu

Chi tiêu thông tin	Nội dung hướng dẫn cụ thể
Góc trên bên trái TK	Người khai hải quan ghi tên Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất khẩu;
Phần giữa tờ khai	* Số tờ khai, ngày giờ đăng đăng ký: là số thứ tự của số đăng ký tờ khai hàng ngày theo từng loại hình xuất khẩu tại từng Chi cục Hải quan theo trật tự: Số tờ khai/XK/loại hình/don vị đăng ký tờ khai và số lượng phụ lục tờ khai. * Số lượng phụ lục tờ khai: là số các dòng hàng tại Bảng kê chi tiết hàng hóa. Mỗi dòng hàng là thông tin lô hàng của một chủ hàng.
Góc trên bên phải tờ khai	Công chức hải quan tiếp nhận đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu ký tên, đóng dấu công chức.
A. Phần dành cho người khai hải quan kê khai và tính thuế	
Ô số 1	Người xuất khẩu: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 2	Người nhập khẩu: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 3	Người ủy thác/ người được ủy quyền: Không khai Trường hợp doanh nghiệp chuyên phát nhân không phải là đại

	Lý hải quan thì thực hiện khai tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của doanh nghiệp chuyên phát nhanh tại ô này và tại ô Đại lý hải quan không khai
Ô số 4	Đại lý hải quan: Khai các thông tin của doanh nghiệp chuyên phát nhanh: ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế
Ô số 5	Loại hình: Hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp
Ô số 6	Giấy phép/ngày/ngày hết hạn: Không khai
Ô số 7	Hộp đóng/ngày/ngày hết hạn: Không khai
Ô số 8	Hoà đơn thương mại: Không khai
Ô số 9	Cửa khẩu xuất hàng: Ghi tên địa điểm nơi từ đó hàng hoá được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu
Ô số 10	Nước nhập khẩu: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 11	Điều kiện giao hàng: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 12	Phương thức thanh toán: Không khai
Ô số 13	Đòng tiền thanh toán: Không khai
Ô số 14	Tỷ giá tính thuế: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 15	Mô tả hàng hóa: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 16	Mã số hàng hoá: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 17	Xuất xứ: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 18	Lượng hàng: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm (tài cột số lượng)
Ô số 19	Đơn vị tính: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 20	Đơn giá nguyên tệ: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 21	Trị giá nguyên tệ: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 22	Không khai
Ô số 23	Không khai
Ô số 24	Không khai
Ô số 25	Số hiệu container: Không khai

Chi tiêu thông tin	Nội dung hướng dẫn cụ thể	
Góc trên bên trái tờ khai	Người khai hải quan ghi tên Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập khẩu.	
Phần giữa tờ khai	* Số tờ khai, ngày giờ đăng ký: là số thứ tự của số đăng ký tờ khai hàng ngày theo từng loại hình nhập khẩu tại từng Chi cục Hải quan theo trật tự: Số tờ khai/NK/loại hình/đơn vị đăng ký tờ khai và số lượng phụ lục tờ khai. * Số lượng phụ lục tờ khai: là số các dòng hàng tại Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm. Mỗi dòng hàng là thông tin lô hàng của một chủ hàng.	
Góc trên bên phải tờ khai	Công chức hải quan tiếp nhận đăng ký tờ khai hàng hoá nhập khẩu ký tên, đóng dấu công chức.	
A. Phần dành cho người khai hải quan kê khai và tính thuế		
Ô số 1	Người xuất khẩu: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm	

b) Hướng dẫn cách ghi các chi tiêu thông tin trên tờ khai hàng hoá nhập khẩu

Ô số 26	Chung từ đi kèm: Người khai hải quan liệt kê các chung từ đi kèm của tờ khai hàng hoá xuất khẩu	
Ô số 27	Người khai hải quan ghi ngày/ tháng/ năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.	
B. Phần dành cho cơ quan Hải quan		
Ô số 28	Lãnh đạo Chi cục nơi đăng ký tờ khai ghi: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm	
Ô số 29	Ghi chép khác: Danh cho công chức hải quan ở các khâu nghiệp vụ ghi chép những nội dung cần thiết mà không ghi ở nơi khác được như số biên bản, số quyết định xử phạt, xử lý ...	
Ô số 30	Xác nhận đã thông quan: Công chức được phân công xác nhận tên tờ khai do doanh nghiệp in	
Ô số 31	Xác nhận của hải quan giám sát: Phần ghi chép của công chức hải quan giám sát hàng hoá xuất khẩu	
	- Số lượng kiện trong container: Ghi tổng số lượng kiện trong Bảng kê chi tiết đính kèm; - Trọng lượng hàng trong container: Ghi tổng trọng lượng hàng trong Bảng kê chi tiết đính kèm; - Địa điểm đóng hàng: Không khai	

Ô số 2	Người nhập khẩu: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 3	Người uỷ thác/người được uỷ quyền: không khai Trường hợp doanh nghiệp CPN không phải là đại lý hải quan thì người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số Fax và mã số thuế của doanh nghiệp chuyên phát nhanh (khi đó tài mục Đại lý Hải quan thì không khai)
Ô số 4	Đại lý Hải quan: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của doanh nghiệp chuyên phát nhanh
Ô số 5	Loại hình: Hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp
Ô số 6	Hóa đơn thương mại: Không khai
Ô số 7	Giấy phép/ngày/ngày hết hạn: Không khai
Ô số 8	Hộp đóng/ngày/ngày hết hạn: Không khai
Ô số 9	Vận đơn: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 10	Cảng xếp hàng: Người khai hải quan ghi tên cảng, địa điểm nơi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để chuyên đến Việt Nam
Ô số 11	Cảng dỡ hàng: Người khai hải quan ghi tên cảng/cửa khẩu nơi hàng hóa được dỡ từ phương tiện vận tải xuống (được ghi trên vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác). Trường hợp xếp cảng/cửa khẩu dỡ hàng khác với địa điểm hàng hóa được giao cho người khai hải quan thì ghi cảng dỡ hàng/ địa điểm giao hàng. Ví dụ: Hàng nhập khẩu được dỡ tại sân bay Nội Bài và giao hàng cho người khai Hải quan tại địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyên phát nhanh của Công ty ALS, người khai ghi Nội Bài/ALS
Ô số 12	Phương tiện vận tải: Ghi rõ số hiệu chuyên bay, ngày đến của tàu bay chở hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam. Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyên bằng đường biển/sông. Nhập tên phương tiện vận chuyên đối với đường bộ.
Ô số 13	Nước xuất khẩu: Không khai
Ô số 14	Điều kiện giao hàng: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 15	Phương thức thanh toán: Không khai
Ô số 16	Đồng tiền thanh toán: Không khai
Ô số 17	Tỷ giá tính thuế: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm

Ô số 18	Mô tả hàng hóa: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 19	Mã số hàng hoá: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 20	Xuất xứ: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 21	Chế độ ưu đãi: Không khai
Ô số 22	Loại hàng: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm (cột số lượng)
Ô số 23	Đơn vị tính: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 24	Đơn giá nguyên tệ: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 25	Giá gốc nguyên tệ: Chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 26	Thuế nhập khẩu: Không khai
Ô số 27	Không khai
Ô số 28	Không khai
Ô số 29	Không khai
Ô số 30	Không khai
Ô số 31	Loại hàng, số hiệu container: - Số hiệu container: Không khai - Số lượng kiện trong container: Tổng số lượng kiện trong bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm - Trọng lượng hàng trong container: Chi tiết trong bảng hàng trong bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm
Ô số 32	Chứng từ đi kèm: Người khai hải quan liệt kê các chứng từ đi kèm của tờ khai hàng hoá nhập khẩu.
Ô số 33	Người khai hải quan ghi ngày/ tháng/ năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.
B. Phần dành cho cơ quan hải quan	
Ô số 34	Lãnh đạo Chi cục nơi đăng ký tờ khai ghi: Kết quả phân luồng theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm.
Ô số 35	Ghi chép khác: Danh cho công chức hải quan ở các khâu nghiệp vụ ghi chép những nội dung cần thiết mà không ghi ở hai quan giám sát hàng hoá nhập khẩu.
Ô số 36	Xác nhận của hai quan giám sát: Phần ghi chép của công chức hai quan giám sát hàng hoá nhập khẩu.

Xác nhận đã thông quan: Công chức được phân công xác nhận tên tờ khai do doanh nghiệp in	Ô số 38
Xác nhận giải phòng hàng/dựa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu: Công chức Hải quan ghi tóm tắt nội dung quyết định của cơ quan Hải quan về việc giải phòng hàng/dựa hàng về bảo quản hay hàng chuyển cửa khẩu.	Ô số 37

**CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐỐI VỚI GIÁM SÁT HẢI QUAN
HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

*Phụ lục III*¹⁴

STT	Chi tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 01	Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm	Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hàng hóa vào kho, địa điểm
1.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
1.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
1.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
1.4	Số quản lý hàng hóa	Số quản lý hàng hóa do cơ quan hải quan cấp để quản lý hàng hóa
1.5	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
1.6	EVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng, sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn
1.7	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
1.8	EVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Sử dụng bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)
1.9	Số hiệu phương tiện vận tải	Số hiệu chuyên bay/Biên số phương tiện/Số hiệu tàu/Tên tàu biển chở hàng
1.10	Ngày đến	Ngày phương tiện vận tải nhập cảnh
1.11	Ngày vào kho, địa điểm	Ngày đưa hàng hóa vào kho, địa điểm
1.12	Hình thức vào kho, địa điểm	Hình thức đưa hàng vào kho, địa điểm
Mẫu số 02	Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm	Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi thay đổi thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm
2.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác

¹⁴ Phụ lục này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 20 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với thu, gọi, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyên phát nhanh quốc tế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

2.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
2.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
2.4	Số quản lý hàng hóa	Số quản lý hàng hóa do cơ quan hải quan cấp để quản lý lô hàng hóa
2.5	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
2.6	EVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng, sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn
2.7	Tổng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
2.8	EVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Sử dụng bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)
2.9	Số hiệu phương tiện vận tải	Số hiệu chuyên bay/Biến số phương tiện/Số hiệu tàu/Tên tàu biển chở hàng
2.10	Ngày đến/rời	Ngày phương tiện vận tải xuất/nhập cảnh
2.11	Ngày vào kho, địa điểm	Ngày đưa hàng hóa vào kho, địa điểm
2.12	Hình thức vào kho, địa điểm	Hình thức đưa hàng hóa vào kho, địa điểm
2.13	Ly do sửa	Ly do sửa
Mẫu số 03	Hủy Danh sách hàng hóa vào kho, địa điểm	Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hủy thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm
3.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
3.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
3.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
3.4	Số quản lý hàng hóa	Số quản lý hàng hóa do cơ quan hải quan cấp để quản lý hàng hóa
3.5	Số hiệu phương tiện vận tải	Số hiệu chuyên bay/Biến số phương tiện/Số hiệu tàu/Tên tàu biển chở hàng
3.6	Ngày đến/rời	Ngày phương tiện vận tải xuất/nhập cảnh
3.7	Ly do hủy	Ly do hủy
Mẫu số 04	Danh sách hàng hóa sai khác	Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi thông tin hàng hóa vào kho, địa điểm sai khác
4.1	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành

4.2	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
3	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng
4.4	DVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng, sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn
4.5	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
4.6	DVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Sử dụng bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)
4.7	Số quản lý hàng hóa	Số quản lý hàng hóa do cơ quan hải quan cấp để quản lý lô hàng hóa
4.8	Loại sai khác	Loại sai khác
4.9	Chi tiết thông tin sai khác	Mô tả chi tiết thông tin sai khác
Mẫu số 05	Danh sách hàng hóa	Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi ra khỏi kho, địa điểm
5.1	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
5.2	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
5.3	Số quản lý hàng hóa	Số quản lý hàng hóa do cơ quan hải quan cấp để quản lý hàng hóa
5.4	Số thứ tự các lần đi ra	Số thứ tự các lần đưa hàng hóa ra khỏi kho
5.5	Số lượng/trọng lượng hàng đi ra khỏi kho, địa điểm	Số lượng/trọng lượng hàng đi ra khỏi kho, địa điểm. Hàng kiện thực hiện trừ lùi theo "Số lượng".
5.6	Số lượng/trọng lượng hàng còn lại	Số lượng/trọng lượng hàng còn lại =Số lượng(Trọng lượng hàng) - Số lượng/trọng lượng hàng đi ra khỏi kho, địa điểm
5.7	Ngày giờ xuất kho	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss
5.8	Hình thức ra	Hình thức đưa ra kho, địa điểm
Mẫu số 06	Thông tin hàng hóa (nhập/xuất) đủ điều kiện qua KVGS	Cơ quan hải quan cung cấp danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hải quan đến Hệ thống cửa doanh nghiệp quản lý hàng hóa ra vào kho, địa điểm để cho phép hàng hóa đưa vào, đưa ra khỏi kho, địa điểm
6.1	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành

6.2	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
6.3	Số quản lý hàng hóa	Số quản lý hàng hóa do cơ quan hải quan cấp để quản lý lô hàng hóa
6.4	Số lượng hàng	Tổng số kiện hàng hóa
6.5	DVT số lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính số lượng hàng, sử dụng bảng "Mã loại kiện" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn
6.6	Trọng lượng hàng	Tổng trọng lượng hàng hóa
6.7	DVT trọng lượng hàng	Nhập mã đơn vị tính của trọng lượng hàng theo chuẩn UN/ECE (Sử dụng bảng "Mã đơn vị tính" trên website Hải quan: www.customs.gov.vn)
6.8	Mô tả hàng hóa	Ghi rõ tên hàng hóa
6.9	Ghi chú khác	Nêu rõ
6.10	Số tờ khai	Số tờ khai hải quan
6.11	Ngày đăng ký tờ khai	Ngày đăng ký tờ khai hải quan
Mẫu số 07	Thay đổi trạng thái tờ khai (xuất/nhập)	Cơ quan hải quan cũng cấp thông tin thay đổi trạng thái tờ khai đủ điều kiện qua khu vực giám sát (tạm dừng/bỏ tạm dừng; hủy)
7.1	Số tờ khai	Số tờ khai hải quan
7.2	Ngày tờ khai	Ngày đăng ký tờ khai hải quan
7.3	Mã hải quan	Mã Chi cục Hải quan nơi quản lý kho hàng không
7.4	Trạng thái tờ khai	1: Được phép qua KVG 0: Không được phép qua KVG
7.5	Loại lý do	Nêu rõ lý do theo từng trường hợp như sau: 1: Tạm dừng đưa hàng qua KVG 2. Bỏ tạm dừng đưa hàng qua KVG 3. Hủy sau thông quan
Mẫu số 08	Hủy Danh sách hàng hóa ra kho, địa điểm	Thực hiện khai báo đến cơ quan hải quan khi hủy thông tin hàng hóa ra kho, địa điểm
8.1	Hình thức hàng hóa	Hình thức hàng hóa: Nhập khẩu, Xuất khẩu, Khác
8.2	Số vận đơn chủ	Số vận đơn chủ do Hãng vận chuyển ban hành
8.3	Số vận đơn thứ cấp	Số vận đơn thứ cấp do Đại lý hàng không, Đại lý giao nhận hàng hóa (Forwarder) ban hành
8.4	Số quản lý hàng hóa	Số quản lý hàng hóa do cơ quan hải quan cấp để quản lý hàng hóa
8.5	Số hiệu phùng tiền vận tải	Số hiệu chuyên bay/Biến số phùng tiền/Số hiệu tàu/ Tên tàu biến chờ hàng

8.6	Số thứ tự lần đi ra khỏi kho, địa điểm	Số thứ tự lần đưa hàng hóa đã ra khỏi kho, địa điểm
8.7	Số lượng/trọng lượng hàng hủy	Số lượng/trọng lượng hàng hủy. Hàng kiện thực hiện từ lui theo "Số lượng".
8.8	Số lượng/trọng lượng hàng còn lại	Số lượng/trọng lượng hàng còn lại = Số lượng (Tổng trọng lượng hàng) - Số lượng/trọng lượng hàng đi ra khỏi kho, địa điểm
8.9	Ngày giờ xuất kho, địa điểm	Ngày giờ ra khỏi khu vực giám sát hải quan (getout) YYYY-MM-DD HH:mm:ss
8.10	Hình thức ra	Hình thức đưa ra kho, địa điểm
8.11	Lý do hủy	Lý do hủy